

QUYẾT ĐỊNH
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC SỐ 24/2007/QĐ-NHNN
NGÀY 07 THÁNG 06 NĂM 2007
BAN HÀNH QUY CHẾ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Đề án các tiêu chí thành lập ngân hàng mới tại Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 6408/VPCP-KTT H ngày 03/11/2006;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỐNG ĐỐC
Lê Đức Thúy

QUY CHẾ
CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN
ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng (gọi tắt là giấy phép) đối với Ngân hàng thương mại cổ phần (gọi tắt là ngân hàng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng quy định tại Điều 1 Quy chế này.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp giấy phép.

Điều 3. Thẩm quyền cấp giấy phép

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định cấp giấy phép theo các quy định tại Quy chế này, các quy định của pháp luật có liên quan và chiến lược phát triển của ngành ngân hàng, trên cơ sở đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Ban trụ bị thành lập ngân hàng (gọi tắt là Ban trụ bị)*: là một tổ chức gồm những thành viên do các cổ đông sáng lập bầu để thay mặt các cổ đông sáng lập triển khai các công việc liên quan đến việc xin cấp giấy phép. Ban trụ bị có tối thiểu 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên làm Trưởng ban.

2. *Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên*: là cuộc họp gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác tham gia góp vốn thành lập ngân hàng có nhiệm vụ thông qua điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng, đề án thành lập ngân hàng, bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên và quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập ngân hàng.

3. *Cổ đông* là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của ngân hàng.

4. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của ngân hàng.

5. *Cổ phần ưu đãi biểu quyết* là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ ngân hàng quy định.

6. *Người điều hành ngân hàng bao gồm* Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và các chức danh điều hành khác do Điều lệ ngân hàng quy định.

7. *Người quản lý ngân hàng bao gồm* Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do Điều lệ ngân hàng quy định.

8. *Thành viên Hội đồng quản trị độc lập* là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không phải là người hưởng lương, thù lao phụ cấp của ngân hàng ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;

b) Không phải là người mà vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình sở hữu từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ngân hàng, là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng hoặc công ty trực thuộc dự kiến thành lập của ngân hàng;

c) Bản thân mình không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ngân hàng; không cùng người có liên quan theo quy định tại Khoản 9 Điều này sở hữu từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ngân hàng.

9. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; ngân hàng với công ty trực thuộc của ngân hàng và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các công ty trực thuộc của cùng ngân hàng với nhau;

b) Công ty đối với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty đó hoặc người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

c) Công ty đối với cá nhân sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên tại công ty đó và ngược lại;

d) Những người có quan hệ thân thuộc với nhau, gồm: vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột;

đ) Công ty đối với người có quan hệ thân thuộc (theo quy định tại Điểm d Khoản này) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của công ty đó và ngược lại;

e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại điểm a, b, c, d và đ Khoản này đối với người uỷ quyền.

CHƯƠNG II ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC, HỒ SƠ CẤP GIẤY PHÉP

Điều 5. Điều kiện cấp giấy phép

1. Vốn điều lệ

a) Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định do Chính phủ quy định trong từng thời kỳ;

b) Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam;

c) Nguồn vốn góp thành lập ngân hàng phải là nguồn hợp pháp; Không được sử dụng tiền vay dưới bất cứ hình thức nào để góp vốn thành lập ngân hàng.

2. Cổ đông

a) Cổ đông là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, cá nhân mang quốc tịch Việt Nam; Không thuộc những đối tượng bị cấm theo qui định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

b) Có tối thiểu 100 cổ đông tham gia góp vốn thành lập ngân hàng, trong đó có tối thiểu 03 cổ đông sáng lập là tổ chức có tư cách pháp nhân đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

c) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng (Số tiền dự kiến góp vốn thành lập ngân hàng phải được gửi tại một ngân hàng thương mại Việt Nam do Ban trụ bị lựa chọn và duy trì số tiền này từ thời điểm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản chấp thuận nguyên tắc cho đến khi ký Quyết định cấp giấy phép. Trong thời gian này, tổ chức, cá nhân không được sử dụng số tiền này dưới mọi hình thức);

d) Cá nhân hoặc tổ chức và người có liên quan của cá nhân hoặc tổ chức đó không được tham gia góp vốn thành lập quá 02 ngân hàng; chỉ được tham gia góp vốn thành lập tại 01 ngân hàng nêu:

(i) Cá nhân hoặc cá nhân đó cùng với người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một ngân hàng;

(ii) Tổ chức hoặc tổ chức đó cùng với người có liên quan sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một ngân hàng.

đ) Đối với cổ đông là tổ chức phải có thời gian hoạt động tối thiểu là 01 năm.

3. Cổ đông sáng lập

a) Đối với cá nhân

(i) Đảm bảo các điều kiện quy định tại Điểm a, Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều này;

(ii) Phải là người có uy tín;

(iii) Cam kết hỗ trợ ngân hàng trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản.

b) Đối với tổ chức

(i) Đảm bảo các điều kiện quy định tại Điểm a, Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều này;

(ii) Có thời gian hoạt động tối thiểu là 05 năm;

(iii) Cam kết hỗ trợ ngân hàng trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

(iv) Là doanh nghiệp (không phải là ngân hàng thương mại) có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng, kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề năm xin thành lập ngân hàng;

(v) Là ngân hàng thương mại phải đảm bảo: Có tổng tài sản tối thiểu 10.000 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu nhỏ hơn 2% tổng dư nợ tại thời điểm xin góp vốn thành lập ngân hàng; không vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong năm liền kề đến thời điểm được cấp giấy phép; kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề năm xin thành lập ngân hàng;

4. Mức sở hữu cổ phần

a) Một cổ đông là cá nhân được sở hữu tối đa 10% vốn điều lệ của một ngân hàng;

b) Một cổ đông là tổ chức được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ của một ngân hàng;

c) Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ của một ngân hàng;

d) Việc sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ nêu trên phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt trên cơ sở lợi ích quốc gia;

đ) Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng, trong đó các cổ đông sáng lập là tổ chức phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập.

5. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

6. Đề án thành lập ngân hàng phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng;

b) Tên ngân hàng, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông;

d) Cơ cấu tổ chức nhân sự :

(i) Sơ đồ tổ chức nhân sự dự kiến của ngân hàng;

(ii) Nhân sự dự kiến của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành:

- Hội đồng quản trị: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Trưởng các Ủy Ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

- Ban kiểm soát: Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

- Người điều hành: Tổng Giám đốc, các Phó tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị trực thuộc và các chức danh điều hành khác thuộc các Phòng, Ban quan trọng của ngân hàng dự kiến mở trong năm đầu tiên khi thành lập ngân hàng.

(iii) Năng lực quản trị, quản lý ngân hàng của từng thành viên trong bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành.

đ) Năng lực quản lý rủi ro :

(i) Các loại rủi ro dự kiến phát sinh trong quá trình hoạt động (Rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường);

(ii) Khả năng biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động ngân hàng.

e) Công nghệ thông tin :

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin.

g) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng (thực trạng, thách thức và triển vọng);

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược của ngân hàng trong việc phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, việc cung cấp và phát triển các dịch vụ ngân hàng (phân tích rõ các dịch vụ dự kiến ngân hàng sẽ cung cấp, loại khách hàng và số lượng khách hàng...).

h) Hệ thống kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Quy trình hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ;

(ii) Nhân sự của kiểm toán nội bộ.

i) Có phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu (trong đó tối thiểu phải bao gồm: Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động) và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

7. Quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng, tối thiểu phải có các quy định sau:

a) Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành;

b) Quy định về quản lý các loại rủi ro của ngân hàng;

c) Quy định về hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ;

d) Quy định về quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có;

đ) Quy định về tổ chức và hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác của ngân hàng;

e) Quy định về chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng để quản lý rủi ro.

Điều 6. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý, điều hành ngân hàng

1. Cá nhân được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

b) Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 9 Quy chế này;

c) Hiểu biết về hoạt động ngân hàng

(i) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; hoặc

(ii) Có ít nhất 03 năm làm người quản lý ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác; hoặc

(iii) Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kiểm toán, kế toán.

d) Số thành viên Hội đồng quản trị chưa có bằng đại học không được vượt quá 1/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng;

đ) Ngân hàng phải có tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập;

e) Cá nhân và người có liên quan của cá nhân, những người được cử là người đại diện vốn góp của một tổ chức không được chiếm quá 1/3 tổng số thành viên của Hội đồng quản trị.

2. Cá nhân được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

b) Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

c) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;

d) Không phải người có liên quan của người quản lý ngân hàng;

đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách).

3. Cá nhân được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

b) Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

c) Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm: Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; và có ít nhất 03 năm làm người điều hành ngân hàng hoặc quản lý doanh nghiệp khác có tổng tài sản tối thiểu tương đương 1.000 tỷ đồng;

d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

4. Cá nhân được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy chế này; đối với Phó Tổng giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

b) Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:

(i) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc

(ii) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc của ngân hàng:

- a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích;
- c) Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu;
- d) Người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- đ) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; người quản lý doanh nghiệp 100% vốn sở hữu Nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo uỷ quyền để quản lý phần vốn góp của nhà nước tại doanh nghiệp khác;
- e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo uỷ quyền để quản lý phần vốn góp tại doanh nghiệp khác;
- g) Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) không được là kế toán trưởng của ngân hàng;
- h) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.

2. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của ngân hàng

- a) Thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;
- b) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- c) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- d) Người đã từng là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của ngân hàng bị cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan pháp luật xác định có sai phạm dẫn đến việc thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
- đ) Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) không được là thành viên Ban Kiểm soát của ngân hàng.

Điều 8. Không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Thành viên Hội đồng quản trị

- a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của ngân hàng;
- b) Không được đồng thời là người quản lý của Tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp đó là công ty trực thuộc;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị của ngân hàng này không được phép tham gia Hội đồng quản trị hoặc tham gia điều hành của Tổ chức tín dụng khác trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của ngân hàng.

2. Thành viên Ban Kiểm soát

a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của ngân hàng hoặc công ty trực thuộc của ngân hàng;

b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại ngân hàng;

c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.

3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời là người điều hành tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác; không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp đó là công ty trực thuộc của ngân hàng.

Điều 9. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành, Giám đốc sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ ngân hàng trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của ngân hàng;

3. Trung thành với lợi ích của ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của ngân hàng;

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận;

5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với ngân hàng và tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của ngân hàng;

6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Khoản 9 Điều 4 Quy chế này vay vốn ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của ngân hàng;

7. Không được tăng lương, trả thưởng khi ngân hàng bị lỗ;

8. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ ngân hàng quy định.

Điều 10. Hồ sơ xin chấp thuận nguyên tắc

1. Văn bản xin thành lập ngân hàng, trong đó nêu rõ việc đáp ứng các điều kiện qui định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Quy chế này và đề nghị được chấp thuận nguyên tắc cấp giấy phép;

2. Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng;

3. Dự thảo Đề án thành lập ngân hàng theo nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 5 Quy chế này;

4. Danh sách các cổ đông sáng lập và dự kiến danh sách các cổ đông không phải là cổ đông sáng lập, trong đó có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên và địa điểm đặt trụ sở chính; giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

b) Họ và tên; địa chỉ thường trú; quốc tịch; số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân đối với cá nhân và người đại diện góp vốn cho cổ đông là tổ chức;

c) Số vốn góp, giá trị vốn góp, số lượng cổ phần, loại cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần, thời hạn góp vốn tương ứng của các cổ đông sáng lập.

5. Hồ sơ của cổ đông

a) Hồ sơ của cổ đông là cá nhân

(i) Đơn xin mua cổ phần đối với cá nhân theo mẫu quy định của Ngân hàng Nhà nước (phụ lục số 04);

(ii) Ngoài các hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ của ngân hàng trở lên phải có thêm các hồ sơ sau:

- Sơ yếu lý lịch (phụ lục số 02), lý lịch tư pháp theo qui định của pháp luật;

- Văn bản cam kết của từng cổ đông sáng lập về việc hỗ trợ ngân hàng trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn và khả năng thanh khoản.

b) Hồ sơ của cổ đông là tổ chức

(i) Đơn xin mua cổ phần đối với tổ chức theo mẫu quy định của Ngân hàng Nhà nước (phụ lục số 03);

(ii) Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức;

(iii) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại ngân hàng;

(iv) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

(v) Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn tại ngân hàng;

(vi) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập ngân hàng;

(vii) Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của tháng gần nhất (nhưng không quá thời gian 90 ngày tính đến thời điểm có đơn xin cấp phép) và thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó nêu rõ hơn các nội dung sau:

- Nguồn vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ, quỹ dự trữ, lợi nhuận để lại không chia...);

- Tiền gửi trong ngân hàng: Tên ngân hàng mà cổ đông đang gửi tiền; Bản chất của các khoản tiền gửi; Chi tiết số lượng tiền gửi tại mỗi ngân hàng;

- Trường hợp là chứng khoán: Tên, địa chỉ của tổ chức phát hành; Số cổ phiếu mà cổ đông đang nắm giữ vào ngày lập cân đối; Mệnh giá cổ phiếu; Giá trị thị trường ước tính; Thông tin về tính thanh khoản của từng loại chứng khoán trên thị trường;

- Trường hợp là đất: Mô tả loại đất; Khu vực đất phân bổ; Địa điểm cụ thể; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giá trị đã mang đi thế chấp (nếu có); Giá thị trường ước tính;

- Trường hợp là bất động sản (không phải là đất): Tên công trình; Địa điểm; Giá thị trường ước tính;

- Trường hợp là các khoản phải thu: Cần chỉ rõ tên và địa chỉ, số lượng tiền nợ của từng bên nợ;

- Trường hợp là các khoản phải trả hoặc các tài sản nợ khác cần chỉ rõ tên, địa chỉ, số lượng tiền nợ của từng chủ nợ;

(viii) Ngoài các hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp (phụ lục số 02);

- Văn bản cam kết hỗ trợ ngân hàng trong trường hợp khó khăn về vốn và khả năng thanh khoản;

- Báo cáo kiểm toán độc lập 03 năm liền kề năm xin thành lập ngân hàng theo qui định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

6- Hồ sơ của những người tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành:

a) Danh sách dự kiến những người tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành;

b) Sơ yếu lý lịch (Phụ lục số 02), lý lịch tư pháp theo qui định của pháp luật;

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Văn bản xác nhận của doanh nghiệp trong trường hợp người dự kiến làm Tổng Giám đốc của ngân hàng đã quản lý doanh nghiệp theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 6 quy chế này.

7. Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập về việc bầu Ban trụ bị và Trưởng Ban trụ bị theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

Điều 11. Hồ sơ xin cấp giấy phép

1. Đơn xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo mẫu quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (phụ lục số 01);

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng;

3. Đề án thành lập ngân hàng theo nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 5 quy chế này;

4. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên thông qua các nội dung liên quan đến việc thành lập ngân hàng theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy chế này;

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

6. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc;

7. Hồ sơ của cổ đông không phải là cổ đông sáng lập quy định tại Khoản 5 Điều 10 (nếu có sự thay đổi) và xác nhận của ngân hàng về việc cá nhân, tổ chức gửi tiền theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 5 Quy chế này;

8. Hồ sơ của những người tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người điều hành quy định tại Khoản 6 Điều 10 (nếu có sự thay đổi);

9. Danh sách các tổ chức, cá nhân góp vốn, trong đó phải thể hiện rõ các nội dung sau: họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân; tên, địa chỉ đặt trụ sở, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với tổ chức; Số vốn góp, giá trị vốn góp, tỷ lệ sở hữu, số lượng cổ phần, loại cổ phần; thời hạn góp vốn;

10. Xác nhận của ngân hàng về việc tổ chức, cá nhân gửi tiền theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 5 Quy chế này;

11. Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chấp thuận cho ngân hàng đặt trụ sở chính tại địa bàn;

12. Văn bản xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính;

13. Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng theo qui định tại Khoản 7 Điều 5 Quy chế này.

Điều 12. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Các bản sao giấy tờ, văn bằng phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật;

2. Tiêu đề trên tất cả các văn bản do Ban trụ bị ký phải ghi rõ “ Ban trụ bị thành lập Ngân hàng thương mại cổ phần....”.

Điều 13. Điều kiện hoạt động

1. Để tiến hành hoạt động, ngân hàng được cấp giấy phép phải có đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có Điều lệ tổ chức và hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y;

- b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- c) Có đủ vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này và số vốn điều lệ này phải gửi vào tài khoản phong tỏa không được hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng đặt trụ sở chính trước khi khai trương hoạt động tối thiểu 30 ngày. Số vốn này chỉ được giải tỏa sau khi ngân hàng khai trương hoạt động;
- d) Có trụ sở thuận tiện giao dịch với khách hàng, đảm bảo an toàn trong hoạt động, đặc biệt an toàn về kho quỹ theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- đ) Đăng báo theo quy định của pháp luật về những nội dung quy định trong giấy phép.
2. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép, ngân hàng phải khai trương và đi vào hoạt động.
3. Trường hợp quá thời hạn nêu tại Khoản 2 Điều này ngân hàng không khai trương và đi vào hoạt động, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ thu hồi giấy phép theo qui định của pháp luật.

Điều 14. Nội dung giấy phép

1. Giấy phép phải có một số nội dung chủ yếu sau:
- a) Số, nơi cấp, thời gian cấp;
- b) Tên ngân hàng: Tên đầy đủ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tên viết tắt bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tên giao dịch (nếu có);
- c) Địa điểm đặt trụ sở chính;
- d) Địa bàn hoạt động;
- đ) Vốn điều lệ;
- e) Nội dung hoạt động;
- g) Thời hạn hoạt động;
- h) Họ tên, địa chỉ thường trú của người đại diện theo pháp luật của ngân hàng;
- i) Họ tên, địa chỉ thường trú đối với cổ đông sáng lập là cá nhân và tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, số giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, số vốn góp và tỷ lệ vốn góp thành lập ngân hàng của cổ đông sáng lập.
2. Trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, ngân hàng phải có văn bản nêu rõ lý do và đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lại giấy phép.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung điều lệ, thay đổi một số nội dung trong giấy phép

1. Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động, trong giấy phép của ngân hàng phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.
2. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép là một bộ phận không tách rời của giấy phép.
3. Sau khi có Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thay đổi các nội dung nêu tại Khoản 1 Điều này, ngân hàng phải sửa đổi các Điều, Khoản có liên quan trong Điều lệ, đăng ký và đăng báo theo qui định của pháp luật.

Điều 16. Thời hạn hoạt động và gia hạn thời hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của ngân hàng được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động và trong giấy phép nhưng không quá 99 năm kể từ ngày ký giấy phép.
2. Trước khi thời hạn hoạt động kết thúc tối thiểu 180 ngày, nếu có nhu cầu hoạt động tiếp, ngân hàng có thể xin gia hạn thời hạn hoạt động. Việc gia hạn thời hạn hoạt động của ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét từng lần. Mỗi lần gia hạn tối đa bằng thời hạn hoạt động đã được ghi trong giấy phép.

Điều 17. Hồ sơ xin sửa đổi, bổ sung Điều lệ, thay đổi nội dung giấy phép

1. Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi ngân hàng đặt trụ sở chính, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết của việc thay đổi nội dung nêu tại Khoản 1 Điều 15, việc xin gia hạn thời hạn hoạt động tại Điều 16 Quy chế này.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi nội dung nêu tại Khoản 1 Điều 15, việc xin gia hạn thời hạn hoạt động tại Điều 16 Quy chế này.

Điều 18. *Nộp lệ phí*

Ngân hàng được cấp giấy phép phải nộp lệ phí cấp giấy phép, lệ phí gia hạn thời hạn hoạt động, chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép hoặc được gia hạn thời hạn hoạt động. Mức lệ phí nộp theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 19. *Sử dụng giấy phép*

1. Ngân hàng được cấp giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động theo đúng nội dung quy định trong giấy phép.

2. Nghiêm cấm việc làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

Điều 20. *Đăng ký kinh doanh*

Sau khi được cấp giấy phép, ngân hàng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN MỤC I: TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG

Điều 21. *Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng*

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn vốn góp thành lập ngân hàng đảm bảo theo đúng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 5 Quy chế này;

2. Thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định sau:

a) Đối với cổ đông sáng lập:

(i) Trong thời gian 05 năm kể từ ngày được cấp giấy phép, cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng số cổ phần phổ thông trong tổng số cổ phần góp vốn khi thành lập ngân hàng cho các cổ đông sáng lập khác nếu đảm bảo quy định tại điểm b Khoản 2 và Khoản 4 Điều 5 Quy chế này;

(ii) Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng số cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm kể từ ngày ngân hàng được thành lập, sau thời hạn này, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

b) Đối với cổ đông không phải là cổ đông sáng lập: Trong thời gian 03 năm kể từ ngày được cấp giấy phép, chỉ được chuyển nhượng số cổ phần góp vốn khi thành lập ngân hàng cho cổ đông khác của ngân hàng nếu đảm bảo quy định tại điểm b Khoản 2 và Khoản 4 Điều 5 Quy chế này;

c) Sau các thời hạn nêu tại Điểm a và b Khoản này, các cổ đông được chuyển nhượng cổ phần và duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác nội dung hồ sơ của cổ đông theo quy định tại Quy chế này;

4. Thực hiện đúng các quy định khác có liên quan đến thành lập và hoạt động ngân hàng.

Điều 22. *Trách nhiệm của Ban trụ bị*

1. Lập hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và nộp đủ 08 bộ (trong đó có 02 bộ chính) tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xin chấp thuận nguyên tắc; 01 bộ tại Ủy Ban Nhân dân tỉnh, thành phố (nơi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính) xin ý kiến chấp thuận về việc đặt trụ sở chính của ngân hàng tại địa bàn.

2. Sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản chấp thuận về nguyên tắc, Ban trụ bị có trách nhiệm:

a) Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên để thông qua các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy chế này;

b) Lập hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Quy chế này và nộp 08 bộ tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trong đó có 2 bộ chính);

c) Thông báo cho các cổ đông gửi tiền tại một ngân hàng thương mại theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

3. Hướng dẫn cổ đông góp vốn và thẩm định hồ sơ của cổ đông theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Quy chế này.

4. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác nội dung hồ sơ đã nộp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Thông báo cho các cổ đông biết lý do không được cấp giấy phép trong trường hợp ngân hàng không được thành lập.

6. Mở tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng đặt trụ sở chính và thông báo cho các cổ đông nộp tiền vào tài khoản này theo danh sách đã đăng ký.

7. Trình bày trước Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc đáp ứng đủ các điều kiện để thành lập ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 23. Trách nhiệm của Trưởng Ban trụ bị

1. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên theo quy định của pháp luật.

2. Ký các văn bản liên quan việc xin thành lập ngân hàng cho đến khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép, chuẩn y Điều lệ tổ chức và hoạt động, chuẩn y các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc ngân hàng.

3. Trực tiếp hoặc ủy quyền cho thành viên Ban trụ bị trình bày nội dung quy định tại Khoản 7 Điều 22 Quy chế này.

MỤC II: TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 24. Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp giấy phép (gọi tắt là Hội đồng thẩm định)

Hội đồng thẩm định do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định.

Điều 25. Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng (gọi tắt là Vụ các Ngân hàng)

1. Hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

2. Đề xuất xử lý các vấn đề liên quan đến việc cấp giấy phép.

3. Làm đầu mối tiếp nhận và thẩm định hồ sơ cấp giấy phép:

a) Đối với hồ sơ xin chấp thuận nguyên tắc: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Quy chế này, Vụ các Ngân hàng có trách nhiệm:

(i) Gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ cho các thành viên Hội đồng thẩm định;

(ii) Có văn bản yêu cầu triệu tập Ban trụ bị trình bày các vấn đề có liên quan việc thành lập ngân hàng theo qui định tại khoản 7 Điều 22 Quy chế này;

(iii) Thẩm định hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và soạn tờ trình báo cáo, đề nghị Chủ tịch Hội đồng cho triệu tập họp các thành viên Hội đồng thẩm định để xem xét hồ sơ xin chấp thuận nguyên tắc;

(iv) Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định, trình Chủ tịch Hội đồng:

- Có văn bản chấp thuận nguyên tắc cho thành lập ngân hàng nếu đủ điều kiện theo quy định tại Quy chế này; hoặc

- Có văn bản chưa chấp thuận nguyên tắc và yêu cầu Ban trụ bị bổ sung hồ sơ hoặc giải trình các vấn đề liên quan trong hồ sơ chưa rõ ràng; hoặc

- Có văn bản không chấp thuận việc thành lập ngân hàng nếu hồ sơ không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Quy chế này.

b) Đối với hồ sơ xin cấp giấy phép:

Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Vụ Các Ngân hàng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Hội đồng:

(i) Ký Quyết định cấp giấy phép, chuẩn y Điều lệ tổ chức và hoạt động, chuẩn y các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc ngân hàng nếu việc thành lập ngân hàng đảm bảo đầy đủ theo qui định tại Quy chế này; hoặc

(ii) Có văn bản chưa chấp thuận cấp giấy phép và yêu cầu Ban trụ bị bổ sung hồ sơ hoặc giải trình các vấn đề liên quan trong hồ sơ chưa rõ ràng; hoặc

(iii) Có văn bản không chấp thuận cấp giấy phép nếu không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo qui định tại Quy chế này.

4. Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu giữ hồ sơ cấp giấy phép sau khi đã cấp giấy phép.

5. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định các vấn đề nêu tại Điều 15 và Điều 16 Quy chế này.

Điều 26. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

1. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Vụ Các Ngân hàng có văn bản đề nghị, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thẩm định hồ sơ xin chấp thuận nguyên tắc với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Vụ Các Ngân hàng.

2. Đánh giá thực trạng hoạt động, năng lực tài chính, việc tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành của Tổ chức tín dụng xin góp vốn thành lập ngân hàng (nếu có).

Điều 27. Vụ Pháp chế

1. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Vụ Các Ngân hàng có văn bản đề nghị, Vụ Pháp chế thẩm định hồ sơ xin chấp thuận nguyên tắc với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Vụ Các Ngân hàng.

2. Là đầu mối xử lý các vấn đề pháp lý trong quá trình cấp giấy phép.

Điều 28. Vụ Chiến lược và phát triển ngân hàng

1. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Vụ Các Ngân hàng có văn bản đề nghị, Vụ Chiến lược và phát triển ngân hàng thẩm định hồ sơ xin chấp thuận nguyên tắc với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Vụ Các Ngân hàng.

2. Đánh giá về chiến lược phát triển của ngân hàng và khả năng phát triển bền vững của ngân hàng trong thời kỳ tới.

Điều 29. Vụ Hợp tác quốc tế

1. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Vụ Các Ngân hàng có văn bản đề nghị, Vụ Hợp tác quốc tế thẩm định hồ sơ xin chấp thuận nguyên tắc với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Vụ Các Ngân hàng.

2. Đánh giá những vấn đề phát sinh liên quan các cam kết Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế.

Điều 30. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng xin thành lập dự định đặt trụ sở chính

1. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Vụ Các Ngân hàng có văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng xin thành lập dự định đặt trụ sở chính thẩm định hồ sơ xin chấp thuận nguyên tắc với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Vụ Các Ngân hàng.

2. Là đầu mối làm việc với chính quyền địa phương nơi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập ngân hàng trên địa bàn (nếu có).

3. Xác nhận việc mở tài khoản phong tỏa và số tiền mà các cổ đông của ngân hàng đã gửi vào tài khoản này.

4. Chỉ đạo, giám sát ngân hàng thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước khi tiến hành khai trương hoạt động.

5. Tiếp nhận hồ sơ và có ý kiến trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ngân hàng xin thay đổi nội dung nêu tại Điều 15 và Điều 16 Quy chế này.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Xử lý vi phạm

Mọi hành vi vi phạm quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Việc mở chi nhánh của ngân hàng mới thành lập

Sau khi khai trương và đi vào hoạt động, ngân hàng được phép mở tối đa 05 chi nhánh nếu không vi phạm các tỷ lệ đảm bảo về an toàn trong hoạt động ngân hàng; thủ tục, hồ sơ mở chi nhánh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Việc mở các chi nhánh tiếp theo của ngân hàng thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 33. Ngân hàng đang hoạt động

1. Các ngân hàng đã được cấp giấy phép trước khi Quy chế này có hiệu lực thi hành không phải làm thủ tục xin cấp lại giấy phép mới.

2. Trường hợp có thay đổi, bổ sung nội dung ghi trong giấy phép, ngân hàng có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định theo qui định tại Điều 15 và Điều 16 Quy chế này.

**THỐNG ĐỐC
Lê Đức Thuý**

Phụ lục số 01
Mẫu đơn xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng
*(Ban hành kèm theo Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động
ngân hàng thương mại cổ phần)*

**BAN TRƯ BỊ THÀNH LẬP
NGÂN HÀNG TMCP....**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày.....tháng..... năm.....

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07/6/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên ngày... tháng...năm... của ngân hàng thương mại cổ phần... về việc thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày...tháng...năm...của Ngân hàng thương mại cổ phần...về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc; Biên bản họp Ban kiểm soát ngày...tháng...năm...của Ngân hàng thương mại cổ phần...về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát;

Nay, Ban trụ bị thành lập Ngân hàng thương mại cổ phần... thay mặt các cổ đông đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét:

I/ Cấp giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần sau đây:

1. Tên của Ngân hàng :
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh
 - Tên giao dịch (nếu có)
2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email
3. Địa bàn hoạt động:
4. Nội dung hoạt động:
5. Thời hạn hoạt động:
6. Vốn điều lệ:
7. Tài khoản phong toả đã mở tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh...

+ Số hiệu tài khoản:

+ Số vốn đã gửi :

.....

II/ Chuẩn y Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng

III/ Chuẩn y các chức danh Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc ngân hàng (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chuẩn y của từng thành viên).

Sau khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và đăng báo theo qui định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hồ sơ đính kèm

TM/ BAN TRÙ BỊ THÀNH LẬP NGÂN HÀNG
TRƯỞNG BAN
(Ký và ghi đầy đủ họ và tên)

Phụ lục số 02

Mẫu Lý lịch tự khai của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, người điều hành, cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên
(Ban hành kèm theo Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

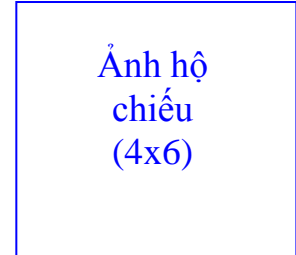
1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh
- Họ và tên thường gọi
- Bí danh
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi sinh
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)

- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú; địa chỉ theo chứng minh nhân dân; Nơi ở hiện nay

- Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân)



2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Mối quan hệ: Kê đầy đủ mối quan hệ với người có liên quan (trong đó nêu rõ tên và đăng ký kinh doanh của Pháp nhân, tên, ngày tháng năm sinh và số Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu của cá nhân) theo qui định tại Khoản 9 Điều 4 Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07/6/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi,....., cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của ngân hàng.

- Tôi,....., cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

6. Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai

7. Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn hoặc cơ quan về việc người khai đang làm việc ở cơ quan đó hoặc công chứng chứng thực chữ ký của người khai.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

Phụ lục số 3
Mẫu đơn mua cổ phần đối với tổ chức
*(Ban hành kèm theo Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động
ngân hàng thương mại cổ phần)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Ngân hàng ...

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, do... cấp ngày... tháng ... năm.
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:... Số Fax:...

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:
- Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp:
- Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

3. Người được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại ngân hàng thương mại cổ phần:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Mối liên hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó)
- Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp
- Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp;
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó;

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, chúng tôi xin cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;
- b) Không chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng ban hành theo Quyết định.....
- c) Không sử dụng tiền vay dưới bất cứ hình thức nào để góp vốn thành lập ngân hàng; Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền đã góp thành lập ngân hàng;
- d) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ ngân hàng, Quy chế nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;
- đ) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 4
Mẫu đơn mua cổ phần đối với cá nhân
(Ban hành kèm theo Quy chế cấp giấy phép thành lập
và hoạt động ngân hàng mại cổ phần)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN
Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Ngân hàng ...

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Ngày tháng năm sinh
- Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Số điện thoại:
- Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp;
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;
- b) Không chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng ban hành theo Quyết định.....
- c) Không sử dụng tiền vay dưới bất cứ hình thức nào để góp vốn thành lập ngân hàng; Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền đã góp thành lập ngân hàng;
- d) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ ngân hàng, Quy chế nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;
- đ) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)